**QUY TRÌNH**

**THỰC HIỆN ĐẦU TƯ VỐN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BIÊN SOẠN** | **KIỂM TRA** | **PHÊ DUYỆT** |
| **BAN ĐT** | **TB ĐT** | **TGĐ** |
|  | **Lý Quang Thái** | **Nguyễn Cảnh Tĩnh** |

**I. Mục tiêu**

+ Cụ thể hóa việc đầu tư vốn của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại doanh nghiệp khác nhằm đảm bảo công tác đầu tư vốn do Tổng công ty thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm, hình thức hoạt động của VIMC.

+ Bảo toàn, tăng hiệu quả, giá trị đầu tư vốn của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam- CTCP

**II. Đối tượng áp dụng**

- Công ty mẹ VIMC;

- Hội đồng thành viên công ty TNHH MTV, Người đại diện phần vốn của VIMC tại doanh nghiệp khác;

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư và quản lý vốn đầu tư của VIMC tại doanh nghiệp khác

**III. Tài liệu liên quan**

- Quy chế Quản lý tài chính của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP ban hành kèm theo Quyết định số 386/QĐ-HHVN ngày 25/11/2022 của HĐQT Tổng công ty;

- Quy chế đầu tư và quản lý vốn đầu tư của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP ban hành kèm theo Quyết định số 332/QĐ-HHVN ngày 28/7/2023 của HĐQT Tổng công ty;

**IV. Chú thích**

**4.1. Giải thích thuật ngữ:**

1. VIMC/Tổng công ty: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
2. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
3. HĐQT: Hội đồng quản trị
4. TGĐ: Tổng giám đốc
5. PTGĐ: Phó Tổng giám đốc
6. Ban ĐT: Ban Đầu tư
7. Ban TCKT: Ban Tài chính Kế toán
8. Ban CMNV: Ban chuyên môn nghiệp vụ của Tổng công ty bao gồm các Ban, Văn phòng cơ quan, Trung tâm Công nghệ thông tin.
9. NĐDPV: Người đại diện phần vốn
10. Cấp phê duyệt: Theo Quy chế đầu tư vốn
11. RACI: Ma trận RACI là một kỹ thuật nhằm làm rõ các công việc, trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân hoặc đơn vị, viết tắt của các chữ:

+ R = Responsible: Đơn vị/Cá nhân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công việc.

+ A = Accountable: Đơn vị/Cá nhân trực tiếp thực hiện thẩm quyền quyết định/phê duyệt.

+ C = Consulted: Đơn vị/Cá nhân được lấy ý kiến tham mưu.

+ I = Informed: Đơn vị/Cá nhân được cung cấp thông tin khi có quyết định/phê duyệt.

**4.2. Giải thích lưu đồ**

Các bước xử lý

Bắt đầu/Kết thúc

Kết nối các

bước xử lý

Quy trình tiếp nối

Điều kiện rẽ nhánh

Tài liệu kèm đính

**Quy trình 1: Quy trình đầu tư vốn thành lập doanh nghiệp khác**

**V.1. Nội dung quy trình**

***5.1.1. Lưu đồ***



**5.1.*2. Diễn giải các bước***

*Bước 1: Lập kế hoạch đầu tư vốn*

Trên cơ sở chiến lược/định hướng đã được ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua, Tổng giám đốc chỉ đạo Ban Đầu tư xây dựng kế hoạch thành lập doanh nghiệp mới và đầu tư vốn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các nội dung cơ bản trong kế hoạch:

- Cơ sở thành lập doanh nghiệp

- Nội dung cơ bản: Loại hình doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ, địa điểm trụ sở dự kiến (nếu có), tiến độ góp vốn, nhu cầu lao động, hiệu quả kinh tế xã hội,…).

- Hiệu quả hoạt động, phương án kinh doanh sơ bộ của doanh nghiệp thành lập mới.

- Nguồn vốn dự kiến của VIMC dùng để góp vốn.

- Những nội dung khác có liên quan (nếu có).

*Bước 2: Lập Đề án thành lập doanh nghiệp*

Căn cứ vào kế hoạch thành lập doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền thông qua, Ban Đầu tư lập Đề án thành lập, đề xuất ý kiến, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề án gồm những nội dung cơ bản sau:

- Biên bản/Thỏa thuận làm việc giữa VIMC với các đối tác trong trường hợp thành lập doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên (nếu có).

- Thông tin về đối tác cùng góp vốn thành lập doanh nghiệp mới (nếu có) kèm theo tài liệu chứng minh năng lực tài chính của đối tác góp vốn như ngành nghề kinh doanh, quy mô hoạt động, tình hình tài chính,…

- Nội dung cơ bản liên quan đến doanh nghiệp mới thành lập (loại hình doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ, địa điểm trụ sở dự kiến (nếu có), tiến độ góp vốn, nhu cầu lao động, hiệu quả kinh tế xã hội,…).

- Hiệu quả hoạt động, phương án kinh doanh của doanh nghiệp mới thành lập.

- Nguồn vốn dự kiến của VIMC dùng để góp vốn, hình thức góp vốn bằng tiền và/hoặc tài sản.

- Những nội dung khác có liên quan.

*Bước 3: Quyết định đầu tư vốn của VIMC thành lập doanh nghiệp*

Căn cứ Đề án thành lập doanh nghiệp, cấp có thẩm quyền quyết định thành lập/quyết định góp vốn thành lập doanh nghiệp mới.

*Bước 4: Thực hiện đầu tư góp vốn thành lập doanh nghiệp*

Căn cứ quyết định thành lập/quyết định góp vốn thành lập doanh nghiệp:

- Ban Đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện góp vốn theo tiến độ đã cam kết.

- Ban TCKT thu xếp nguồn vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác theo kế hoạch tài chính hàng năm và/hoặc trung hạn hoặc phối hợp với đơn vị quản lý tài sản thực hiện thủ tục góp vốn bằng tài sản.

**VI. Ma trận vai trò RACI & KPI quy trình**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bước thực hiện** | **Ban ĐT** | **Ban CMNV có liên quan** | **Ban TCKT** | **Ban Điều hành** | **Cấp phê duyệt** | **KPI** |
| 1 | Lập kế hoạch đầu tư vốn |  |  |  |  |  |  |
|  | *Xây dựng Kế hoạch* | R | C | I | A |  | 30 ngày |
|  | *Phê duyệt Kế hoạch* | I | I | I | I | A | T1 |
| 2 | Lập Đề án thành lập doanh nghiệp |  |  |  |  |  |  |
|  | *Xây dựng Đề án* | R | C | I | A |  | 90 ngày |
|  | *Phê duyệt Đề án* | I | I | I | I | A | T2 |
| 3 | Quyết định đầu tư vốn của VIMC thành lập doanh nghiệp | I |  | I | I | A | 03 ngày |
| 4 | Thực hiện đầu tư góp vốn thành lập doanh nghiệp | R | I | R | A | I | 90 ngày kể từ ngày có đăng ký kinh doanh |

T1, T2: Số ngày thực tế thực hiện công việc

**VII. Rủi ro và kiểm soát**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bước thực hiện** | **Mối nguy** | **Rủi ro/ Nguyên nhân** | **Kiểm soát** |
| 1 | Lập kế hoạch đầu tư vốn | - Bỏ lỡ cơ hội đầu tư, kinh doanh;  - Kế hoạch đầu tư vốn không được phê duyệt | - Kế hoạch chưa đúng thời điểm  - Không phù hợp với chiến lược, định hướng của Tổng công ty;  - Thông tin lập Kế hoạch không đầy đủ, không đúng; Chậm trễ gửi thông tin lập Kế hoạch;  - Hạn chế về năng lực phân tích, tổng hợp. | - Thường xuyên phân tích thị trường để đánh giá cơ hội đầu tư.  - Ban Đầu tư đôn đốc các bộ phận liên quan cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.  - Lãnh đạo Ban Đầu tư kiểm soát nội dung, tiến độ Kế hoạch vốn;  - Nâng cao chất lượng nhân sự về phân tích đầu tư |
| 2 | Lập Đề án thành lập doanh nghiệp | - Không tìm được nhà đầu tư, đối tác cùng tham gia thành lập doanh nghiệp.  - Đề án không được cấp có thẩm quyền phê duyệt | - Đề án thành lập không thu hút được các nhà đầu tư.  - Đề án xây dựng có chất lượng không cao.  - Hạn chế về khả năng phân tích, tổng hợp; | - Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao thương hiệu doanh nghiệp, xây dựng lộ trình đầu tư và hiệu quả đầu tư cụ thể.  - Ban Đầu tư đôn đốc các bộ phận liên quan cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.  - Lãnh đạo Ban Đầu tư kiểm soát nội dung, tiến độ xây dựng Đề án; bám sát cấp có thẩm quyền để giải trình về nội dung Đề án;  - Nâng cao chất lượng nhân sự về phân tích đầu tư |
| 3 | Quyết định đầu tư vốn của VIMC thành lập doanh nghiệp | - Chậm ban hành quyết định |  | Ban Đầu tư bám sát, liên tục cập nhật báo cáo cấp có thẩm quyền để được phê duyệt |
| 4 | Thực hiện đầu tư góp vốn thành lập doanh nghiệp | - Chậm thực hiện đầu tư vốn  - Doanh nghiệp không được thành lập theo đúng Đề án được phê duyệt | Các cổ đông không thực hiện góp vốn theo cam kết, chậm hoàn thiện hồ sơ góp vốn bằng tài sản theo quy định; | Lãnh đạo Ban Đầu tư, TCKT đôn đốc, phối hợp với đơn vị quản lý tài sản tuân thủ về thời hạn góp vốn/bàn giao tài sản theo quy định; |

**VIII. Hồ sơ lưu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Hồ sơ** | **Người lưu** | **Nơi lưu** | **Thời gian lưu** |
| 1 |  |  |  |  |

**IX. Biểu mẫu (không có)**

**X. Phụ lục & Hướng dẫn (không có)**

**Quy trình 2: Quy trình đầu tư tăng vốn**

**III. Nội dung**

**1. Lưu đồ**



**2. Diễn giải các bước**

*Bước 1: Lập kế hoạch tăng vốn*

**-** HĐTV công ty TNHH MTV có trách nhiệm lập kế hoạch bổ sung vốn đầu tư của VIMC khi xây dựng kế hoạch hàng năm kèm theo sơ bộ phương án tăng vốn.

- Người đại diện phần vốn tại các công ty TNHH hai thành viên trở lên và công ty cổ phần yêu cầu doanh nghiệp khác xây dựng kế hoạch tăng vốn điều lệ (nếu có). Trên cơ sở đó, Người đại diện phần vốn xây dựng và đăng ký chỉ tiêu kế hoạch tăng vốn đầu tư của VIMC tại doanh nghiệp khác kèm theo sơ bộ phương án tăng vốn.

- Ban Đầu tư thẩm định, đánh giá tổng thể danh mục đầu tư và định hướng đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của VIMC để xem xét kế hoạch tăng vốn, phối hợp cùng Ban TCKT cân đối nguồn vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác và tổng hợp chung trong kế hoạch đầu tư của VIMC.

*Bước 2: Lập phương án đầu tư tăng vốn*

Người đại diện phần vốn lập phương án triển khai thực hiện kế hoạch tăng vốn; báo cáo VIMC theo Điều lệ công ty TNHH MTV/Quy chế Người đại diện. Hồ sơ gồm:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; chấp thuận kế hoạch tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp khác (nếu có).

-Phương án bổ sung vốn của VIMC. Phương án phải có các nội dung chủ yếu sau đây: Đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; Mục tiêu, sự cần thiết, hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội của việc đầu tư bổ sung vốn; lợi ích thu được của VIMC sau đầu tư bổ sung; Mức vốn đầu tư bổ sung của VIMC.

- Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét của quý hoặc năm gần nhất với thời điểm lập phương án bổ sung vốn của VIMC tại doanh nghiệp khác.

- Đề xuất nguồn vốn đầu tư của VIMC để bổ sung (nếu có) để duy trì tỷ lệ vốn góp của VIMC tại các công ty cổ phần, công ty TNHH bao gồm bổ sung vốn bằng tiền/tài sản, bổ sung vốn từ nguồn vốn từ quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp, cổ tức/lợi nhuận được chia, nguồn vốn thặng dư và quỹ khác tương ứng với phần vốn VIMC đầu tư tại doanh nghiệp.

*Bước 3: Thông qua phương án đầu tư tăng vốn của VIMC*

- Ban Đầu tư thẩm định báo cáo của Người đại diện phần vốn về phương án tăng vốn/bổ sung vốn của VIMC tại doanh nghiệp khác trình cấp phê duyệt theo quy định.

- Trên cơ sở Cấp phê duyệt của VIMC thông qua phương án tăng vốn/bổ sung vốn, VIMC ban hành:

+ Đối với Công ty TNHH MTV: HĐQT VIMC ban hành quyết định tăng vốn

+ Đối với Công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên: Ban hành văn bản chỉ đạo NĐDPV biểu quyết về Phương án tăng vốn điều lệ. Căn cứ kết quả biểu quyết về việc tăng vốn tại doanh nghiệp của NĐDPV, ĐHĐCĐ/HĐTV doanh nghiệp ban hành quyết định/ nghị quyết phương án tăng vốn.

*Bước 4: Thực hiện tăng vốn*

- Sau khi có Quyết định tăng vốn của ĐHĐCĐ/HĐTV doanh nghiệp, cấp có thẩm quyền của VIMC ban hành quyết định góp vốn.

- Ban Đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện góp vốn/bổ sung vốn theo tiến độ đã cam kết.

- Ban TCKT thu xếp nguồn đầu tư vốn bổ sung tại doanh nghiệp khác theo kế hoạch tài chính hàng năm và/hoặc trung hạn hoặc phối hợp với đơn vị quản lý tài sản thực hiện góp bổ sung vốn bằng tài sản.

**VI. Ma trận vai trò RACI & KPI quy trình**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bước thực hiện** | **NĐDPV/ HĐTV CT TNHH MTV** | **Ban ĐT** | **Ban CMNV có liên quan** | **Ban TCKT** | **Ban Điều hành** | **Cấp phê duyệt** | **KPI** |
| 1 | Lập kế hoạch bổ sung vốn |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Xây dựng Kế hoạch* | *R* | *I* | *I* | *I* |  |  |  |
|  | *Thẩm định Kế hoạch* |  | *R* | *C* | *C* | *A* |  | *15 ngày* |
|  | *Phê duyệt Kế hoạch* | *I* | *I* | *I* | *I* | *I* | *A* | *T1* |
| 2 | Lập phương án triển khai thực hiện kế hoạch tăng vốn |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Xây dựng Phương án* | *R* | *I* | *I* | *I* |  |  |  |
| 3 | Thông qua phương án đầu tư tăng vốn/bổ sung vốn của VIMC |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Thẩm định Phương án* |  | *R* | *C* | *C* | *A* |  | *20 ngày* |
|  | *Thông qua Phương án* | *I* | *I* | *I* | *I* | *I* | *A* | *T2* |
| 4 | Thực hiện việc bổ sung vốn | I | R | I | R | I | A | Theo kế hoạch của doanh nghiệp |

T1, T2: Số ngày thực tế thực hiện công việc

**VII. Rủi ro và kiểm soát**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bước thực hiện** | **Mối nguy** | **Rủi ro** | **Kiểm soát** |
| 1 | Lập kế hoạch bổ sung vốn | - Bỏ lỡ cơ hội đầu tư, kinh doanh;  - Kế hoạch bổ sung vốn không được phê duyệt | - Kế hoạch chưa đúng thời điểm  - Không phù hợp với chiến lược, định hướng của Tổng công ty;  - Thông tin lập Kế hoạch không đầy đủ, không đúng; Chậm trễ gửi thông tin lập Kế hoạch;  - Hạn chế về năng lực phân tích, tổng hợp. | - Thường xuyên phân tích thị trường để đánh giá cơ hội đầu tư.  - Ban đầu tư đôn đốc các bộ phận liên quan cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.  - Lãnh đạo Ban Đầu tư kiểm soát nội dung, tiến độ Kế hoạch vốn;  - Nâng cao chất lượng nhân sự về phân tích đầu tư |
| 2 | Lập phương án triển khai thực hiện kế hoạch tăng vốn | - Không lập được phương án tăng vốn theo mục đích ban đầu;  - Phương án không được cấp phê duyệt thông qua | - Doanh nghiệp (tổ chức phát hành) không đáp ứng các điều kiện tăng vốn theo quy định của pháp luật; - Phương án lập không đạt hiệu quả đầu tư.  - Phương án xây dựng có chất lượng không cao.  - Hạn chế về khả năng phân tích, tổng hợp; | - Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao thương hiệu doanh nghiệp, xây dựng lộ trình đầu tư và hiệu quả đầu tư cụ thể.  - Ban Đầu tư tăng cường hỗ trợ đơn vị xây dựng phương án.  - Lãnh đạo Ban Đầu tư kiểm soát nội dung, tiến độ xây dựng phương án;  - Nâng cao chất lượng nhân sự về phân tích đầu tư |
| 3 | Thông qua phương án đầu tư bổ sung vốn của VIMC | -Chậm ban hành quyết định/, chỉ đạo biểu quyết. |  | Ban Đầu tư được giao bám sát, liên tục cập nhật báo cáo cấp có thẩm quyền để được phê duyệt |
| 4 | Thực hiện việc bổ sung vốn | - Không thực hiện được việc bổ sung do ĐHĐCĐ/HĐTV doanh nghiệp không thông qua phương án tăng vốn  - Chậm thực hiện bổ sung vốn  - Việc đầu tư bổ sung vốn không được thực hiện theo đúng Phương án được phê duyệt | - Các thành viên góp vốn khác, cổ đông khác không chấp nhận phương án tăng vốn;  - Các Ban CMNV thực hiện chậm việc; | - Đơn vị có giải pháp để được các thành viên/cổ đông lớn ủng hộ phương án tăng vốn;  - Lãnh đạo Ban Đầu tư, TCKT đôn đốc, phối hợp với đơn vị quản lý tài sản tuân thủ về thời hạn góp vốn/bàn giao tài sản theo quy định; - Xây dựng chi tiết tiến độ góp vốn |

**VIII. Hồ sơ lưu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Hồ sơ** | **Người lưu** | **Nơi lưu** | **Thời gian lưu** |
| 1 | Chuẩn bị đầu tư | Người thực hiện Đầu tư | Đơn vị Đầu tư | Không xác định |

**IX. Biểu mẫu**

**X. Phục lục & Hướng dẫn**

**Quy trình 3: Quy trình đầu tư vốn của VIMC để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác**

**I. Lưu đồ**



**II Diễn giải các bước**

**Bước 1: Lập kế hoạch mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác**

Căn cứ định hướng/chiến lược phát triển của VIMC đã được ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua, Tổng giám đốc chỉ đạo Ban Đầu tư xây dựng kế hoạch đầu tư vốn để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác.

**Bước 2: Lập phương án đầu tư vốn**

Ban Đầu tư lập phương án đầu tư vốn để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phương án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khác (đánh giá 05 năm gần nhất theo báo cáo tài chính kiểm toán nếu có).

- Cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn của doanh nghiệp khác.

- Cơ sở của việc mua lại cổ phần, vốn góp tại doanh nghiệp khác. Mục tiêu, sự cần thiết, hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội của việc đầu tư vốn của VIMC để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác.

- Hình thức mua lại (mua lại từ cổ đông/thành viên góp vốn hoặc mua lại quyền mua của cổ đông/thành viên góp vốn của doanh nghiệp khác).

- Tỷ lệ vốn nắm giữ của VIMC sau mua, mức vốn đầu tư (trong đó nêu rõ cơ sở xác định giá cổ phần/phần vốn mua lại).

- Đề xuất nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư từ Quỹ đầu tư phát triển của VIMC, nguồn vốn sản xuất kinh doanh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Định hướng hoạt động và hiệu quả của doanh nghiệp khác sau khi VIMC mua lại phần vốn tại doanh nghiệp khác (nếu có).

*Bước 3: Quyết định đầu tư vốn của VIMC để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp*

Trên cơ sở phương án đầu tư vốn để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp, VIMC thông qua và ban hành quyết định đầu tư vốn để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác.

*Bước 4: Thực hiện thanh toán mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác và hoàn thiện các hồ sơ pháp lý*

Căn cứ quyết định đầu tư vốn mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác

- Ban Đầu tư có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, dự thảo hợp đồng mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác theo tiến độ đã cam kết.

- Ban TCKT thu xếp nguồn vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác theo kế hoạch tài chính hàng năm và/hoặc trung hạn. Thanh toán tiền mua cổ phần/phần vốn góp khi có đề nghị của Ban chủ trì kèm theo hồ sơ mua cổ phần/phần vốn góp có liên quan.

**VI. Ma trận vai trò RACI & KPI quy trình**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bước thực hiện** | **Ban ĐT** | **Ban CMNV có liên quan** | **Ban TCKT** | **Ban Điều hành** | **Cấp có thẩm quyền** | **KPI** |
| 1 | Lập kế hoạch mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác |  |  |  |  |  |  |
|  | *Xây dựng Kế hoạch* | *R* | *C* | *C* | *A* |  | *30 ngày* |
|  | *Phê duyệt Kế hoạch* | *I* | *I* | *I* | *I* | *A* | *T1* |
| 2 | Lập phương án đầu tư vốn |  |  |  |  |  |  |
|  | *Xây dựng Phương án* | *R* | *C* | *C* | *A* |  | *90 ngày* |
|  | *Phê duyệt Phương án* | *I* | *I* | *I* | *I* | *A* | *T2* |
| 3 | Quyết định đầu tư vốn của VIMC để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp | I | I | I | I | A | 03 này |
| 4 | Thực hiện thanh toán mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác | I | R | R | A | I | Theo hợp đồng mua lại |

T1, T2: Số ngày thực tế thực hiện công việc

**VII. Rủi ro và kiểm soát**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bước thực hiện** | **Mối nguy** | **Rủi ro** | **Kiểm soát** |
| 1 | Lập kế hoạch mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác | - Bỏ lỡ cơ hội đầu tư, kinh doanh;  - Kế hoạch đầu tư vốn  không được phê duyệt | - Kế hoạch chưa đúng thời điểm  - Không phù hợp với chiến lược, định hướng của Tổng công ty;  - Thông tin lập kế hoạch không đầy đủ, không đúng; Chậm trễ gửi thông tin lập Kế hoạch;  - Hạn chế về năng lực phân tích, tổng hợp. | - Thường xuyên phân tích thị trường để đánh giá cơ hội đầu tư.  - Ban Đầu tư đôn đốc các bộ phận liên quan cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.  - Lãnh đạo Ban Đầu tư kiểm soát nội dung, tiến độ Kế hoạch vốn;  - Nâng cao chất lượng nhân sự về phân tích đầu tư |
| 2 | Lập phương án mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác | - Giá trị đầu tư vượt dự toán ban đầu khi xây dựng kế hoạch;  - Phương án không được cấp có thẩm quyền phê duyệt; | - Phương án thành lập không đạt hiệu quả đầu tư; không mang lại lợi ích cho VIMC  - Phương án xây dựng có chất lượng không cao.  - Hạn chế về khả năng phân tích, tổng hợp; | - Ban Đầu tư tăng cường thu thập hồ sơ, thông tin về doanh nghiệp đầu tư. Đánh giá những rủi ro, lợi ích của VIMC khi đầu tư vốn.  - Ban Đầu tư đôn đốc các bộ phận liên quan cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.  - Nâng cao chất lượng nhân sự về phân tích đầu tư |
| 3 | Quyết định đầu tư vốn của VIMC để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp | - Chậm ban hành quyết định |  | Ban Đầu tư bám sát, liên tục cập nhật báo cáo cấp có thẩm quyền để được phê duyệt |
| 4 | Thực hiện mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác | - Không mua được phần vốn hoặc doanh nghiệp theo phương án được duyệt | Cổ phần/phần vốn góp tăng giá trị chào bán, ảnh hưởng đến dự toán của VIMC. | - Chuẩn bị đầy đủ nguồn tài chính, bao gồm cả nguồn dự phòng cho việc tăng giá (nếu có); - Ban Đầu tư bám sát thị trường, tình hình hoạt động của doanh nghiệp khác (DN VIMC muốn mua lại một phần hoặc toàn bộ DN); |

**VIII. Hồ sơ lưu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Hồ sơ** | **Người lưu** | **Nơi lưu** | **Thời gian lưu** |
| 1 |  |  |  |  |

**IX. Biểu mẫu**

**X. Phục lục & Hướng dẫn**